

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 16-9-2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên
2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1031/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T

Nơi cư trú: Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang N

Nơi cư trú: Tổ H 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Quang Đ; nơi cư trú: Tổ H 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Chị Phạm Thị Đ, ĐKNK: Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo ủy quyền cho chị Đ là bà Phạm Thị T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị T và cũng là đại diện theo ủy quyền cho chị Phạm Thị Đ, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà và ông Phạm Quang C kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 1980 và có 03 con chung là Phạm Quang N, sinh năm 1982; Phạm Quang Đ, sinh năm 1985 và Phạm Thị Đ, sinh năm 1986.

Ông Phạm Quang C bị tai nạn chết ngày 27 tháng 8 năm 1995, khi chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống, bà và ông Phạm Quang C tạo dựng được 345,50 m² tại Khu 3, phường T (hiện nay là Tổ H 2, phường T), quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Đất này vợ chồng bà quản lý sử dụng từ lâu nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12 tháng 6 năm 2009 gia đình bà có đến Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An làm văn bản phân chia tài sản thừa kế. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận tại phường T, gia đình không thực hiện việc giao đất, đo đạc phân chia trên thực tế. Con trai bà là Phạm Quang N nhiều lần đe dọa, đuổi bà ra khỏi nhà, do vậy bà không công nhận văn bản phân chia tài sản chung được lập tại Ủy ban nhân dân phường T. Bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An chia di sản thừa kế do ông Phạm Quang C để lại theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung của bà và ông Phạm Quang C là 345,50m² đất thổ cư tại Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, do vậy bà có 1/2 diện tích đất nêu trên, cụ thể là 172,75 m², phần của ông Phạm Quang C là 172,75 m² – đây là di sản thừa kế do ông C để lại, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế nêu trên thành 04 phần bằng nhau. Bà hiện nay chưa có nhà ở, nhà bà đang ở do cháu Phạm Quang N xây dựng, bà nhận phần đất có nhà do Phạm Quang N xây trên diện tích 172,75m² thuộc quyền quản lý sử dụng của bà và phần đất còn lại sau khi đã chia cho cháu Phạm Quang Đ, tổng cộng là 172,75m² + 43,1875m² = 215,94m². Toàn bộ nhà xưởng cho Phạm Quang N xây dựng qua định giá có giá trị là 166.742.000đ, trong đó nhà ở và khu phụ gắn liền với đất có giá trị là 125.430.400đ. Trước đây bà có 01 căn nhà 03 gian lợp ngói, do đã xuống cấp nên Phạm Quang N đã phá đi xây dựng lại nhà mới và khu phụ như bây giờ. Do vậy bà không đồng ý thanh toán cho anh Phạm Quang N giá trị nhà và khu phụ. Đối với giá trị của xưởng tôn là 41.311.600đ, xưởng tôn làm bằng các vật liệu như cột thép, kèo thép, xà gồ và tôn kẽm nên có thể tháo dỡ được, bà cũng không có nhu cầu sử dụng đối với phần nhà xưởng cho Phạm Quang N xây dựng nên bà yêu cầu Phạm Quang N phải tháo dỡ nhà xưởng, trả lại diện tích đất cho bà.

Đối với phần của Phạm Quang N, Phạm Quang Đ và Phạm Thị Đ được chia, đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Phạm Quang N trình bày:

Anh là con của ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị T. Ông C và bà T sinh được 03 người con gồm: Phạm Quang N, Phạm Quang Đ, sinh năm 1985 và Phạm Thị Đ, sinh năm 1986.

Ông Phạm Quang C bị tai nạn chết ngày 27 tháng 8 năm 1995, khi chết không để lại di chúc.

Tài sản của bố mẹ anh gồm có 348,60 m², đo thực tế là 345,50m² tại Khu 3, phường T (hiện nay là Tổ H 2, phường T). Diện tích đất nêu trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12 tháng 6 năm 2009 gia đình anh có đến Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An làm văn bản phân chia tài sản thừa kế. Theo đó mẹ anh là bà Phạm Thị T được quyền quản lý, sử dụng 227,28 m²; anh được quản lý sử dụng 121,32m². Sau khi thỏa thuận tại phường T, gia đình không thực hiện thỏa thuận nêu trên do chưa xác định được cụ thể phần đất của ai, ở đâu, kích thước, mốc giới như thế nào. Bản thân anh đã làm nhà, xưởng trên diện tích đất 345,50m² để phục vụ sản xuất, kinh doanh. Anh đã có nhà và gia đình riêng tại Tổ H 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Đối với Phạm Thị Đ, Đào cũng đã có gia đình riêng đang sống cùng với chồng con trên Hà Nội, còn Phạm Quang Đ, hiện chưa có nhà ở. Đến nay mẹ anh là bà Phạm Thị T làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế, anh đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo đúng thỏa thuận đã phân chia được lập tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/6/2009.

Đối với nhà xưởng anh xây dựng trên đất, anh tự nguyện tháo dỡ để trả lại mặt bằng cho bà Phạm Thị T và các đồng thừa kế khác; đối với nhà chính và khu phụ do anh xây dựng, hiện do mẹ anh quản lý, anh đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh theo kết luận của Hội đồng định giá.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Quang Đ trình bày:

Anh là con của ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị T. Bố mẹ anh sinh được 03 người con gồm: Phạm Quang N, Phạm Quang Đ và Phạm Thị Đ.

Bố anh bị tai nạn chết ngày 27 tháng 8 năm 1995, khi chết không để lại di chúc.

Tài sản của bố mẹ anh gồm có 348,60 m² đo thực tế là 345,50m² tại Khu 3, phường T (hiện nay là Tổ H 2, phường T). Đất này bố mẹ anh quản lý sử dụng từ lâu nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12 tháng 6 năm 2009 gia đình anh có đến Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An làm văn bản phân chia tài sản thừa kế. Theo đó mẹ anh là bà Phạm Thị T được quyền quản lý, sử dụng 227,28 m²; anh Phạm Quang N được quản lý sử dụng 121,32m². Anh và em gái là Phạm Thị Đ chưa có bất cứ quyền lợi gì trong đó. Sau khi thỏa thuận tại phường T, gia đình không thực hiện, do vậy anh không công nhận văn bản phân chia tài sản chung được lập tại Ủy ban nhân dân phường T. Anh Phạm Quang N và chị Phạm Thị Đ đã có gia đình và nơi ở riêng, bản thân anh không có nhà ở. Anh đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An chia cho anh diện tích khoảng 100m² đất tiếp giáp với Công ty ô tô Hoa Mai để anh làm nhà.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy

định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế là diện tích 172,75 m² đất thổ cư tại Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng theo hướng: Giao cho bà Phạm Thị T quản lý sử dụng tổng diện tích 172,75m² + 43,1875m² = 215,94m² có vị trí và sơ đồ hiện trạng kèm theo (43,1875m² là phần di sản thừa kế mà bà Phạm Thị T được chia). Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Quang N giá trị tài sản là nhà ở và khu phụ do anh Phạm Quang N xây dựng trên phần đất do bà Phạm Thị T quản lý sử dụng và được giao là 125.430.400đ (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng); Giao cho anh Phạm Quang Đ quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 129,56m², tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang N, Phạm Quang Đ và Phạm Thị Đ. Anh Phạm Quang Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang N, chị Phạm Thị Đ mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc anh Phạm Quang N phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng bao gồm: 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại diện tích đất cho bà Phạm Thị T và anh Phạm Quang Đ; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí sơ thẩm cho bà Phạm Thị T; buộc anh Phạm Quang N phải nộp 41.675.000đ (bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; buộc anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ mỗi người phải nộp 37.912.500đ (ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện anh Phạm Quang N tại Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Phạm Quang N là bị đơn. Anh Phạm Quang N có địa chỉ cư trú tại Tổ H 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Ông Phạm Quang C chết ngày 27 tháng 8 năm 1995, trước ngày Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực, do vậy khi giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990 và các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thời điểm mở thừa kế: Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 27 tháng 8 năm 1995 - ngày ông Phạm

Quang C chết. Địa điểm mở thừa kế tại nhà ông Phạm Quang C có địa chỉ số 377 Đường Trần Tất Văn, Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng.

[4] Về di chúc: Ông Phạm Quang C chết không để lại di chúc, do vậy theo quy định tại Điều 24 Pháp lệnh thừa kế, Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T theo pháp luật.

[5] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặt khác, theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu trong vụ án này được tính theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản vẫn còn.

[6] Về hàng thừa kế: Theo quy định tại Điều 25 Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990 thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Phạm Thị T (vợ ông Phạm Quang C) và các con của ông C là Phạm Quang N, Phạm Quang Đ, Phạm Thị Đ.

[7] Về di sản và kỹ phần thừa kế: Quá trình chung sống, ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị T được quản lý, sử dụng diện tích $345,50\text{m}^2$ đất thổ cư tại số 377 Đường Trần Tất Văn, Tổ H 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, tình tiết này đã được các bên đương sự thừa nhận, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Pháp lệnh thừa kế thì đây là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị T, do đó di sản do ông Phạm Quang C để lại là $1/2$ diện tích đất thổ cư nêu trên tương ứng với $172,75\text{m}^2$ đất. Căn cứ khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế thì những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau, do đó bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang N, anh Phạm Quang Đ và chị Phạm Thị Đ mỗi người được hưởng kỹ phần là $172,75\text{m}^2 / 4 = 43,1875\text{m}^2$ đất. Hội đồng định giá đã xác định giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là di sản thừa kế nêu trên theo giá thị trường là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng/ 1m^2 đất). Như vậy giá trị 01 kỹ phần thừa kế tương ứng với số tiền là 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[8] Về phần tài sản của anh Phạm Quang N nằm trong tài sản chung của ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị T: Các bên đương sự đều thừa nhận, anh Phạm Quang N là người xây dựng căn nhà và khu phụ hiện do bà Phạm Thị T quản lý, sử dụng, Hội đồng định giá đã xác định giá trị nhà và khu phụ là 125.430.400đ, đây là tài sản gắn liền với đất, không thể di dời được. Ngoài ra anh Nam còn xây dựng trên phần đất 01 xưởng mái tôn kèm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gỗ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép. Phần nhà xưởng này có thể di chuyển, tháo dỡ được, bà Phạm Thị T và anh Phạm Quang Đ cũng không có nhu cầu sử dụng, đối với nhà xưởng này, anh Nam tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho bà T và các đồng thừa kế khác. Anh Phạm Quang N yêu cầu mẹ anh là bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh phần tài sản anh xây dựng trên đất hiện do bà T quản lý, sử dụng tương ứng với số tiền 166.742.000đ. Căn cứ vào ý kiến trình bày của các bên và thực tế vụ kiện, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của anh Phạm Quang N, buộc bà Phạm Thị T phải thanh toán cho anh giá trị nhà và khu phụ do bà T đang quản lý sử dụng. Đồng thời

buộc anh Phạm Quang N phải tháo dỡ toàn bộ phần nhà xưởng bao gồm 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại đất cho bà T và những người hưởng thừa kế nếu được phân chia quyền sử dụng đất.

[9] Về ý kiến của anh Phạm Quang N yêu cầu thực hiện chia di sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận lập ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang N, anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ lập ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An do các bên tự nguyện lập, tuy nhiên văn bản không xác định ranh giới, mốc giới, chưa thực hiện việc đo đạc, phân chia trên thực tế cho nên không thể thực hiện được. Mặt khác thẩm quyền lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng công chứng, Ủy ban nhân dân phường T không có thẩm quyền này, do vậy văn bản nêu trên không có giá trị thi hành. Hiện nay, bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ đều không thực hiện văn bản nêu trên, do đó ý kiến của anh Phạm Quang N đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang C theo Văn bản thỏa thuận ngày 12 tháng 6 năm 2009 không phù hợp pháp luật, không được chấp nhận.

[10] Về phương án phân chia di sản: Căn cứ Điều 35 Pháp lệnh thừa kế, do các bên không thỏa thuận được với nhau về phân chia di sản thì những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau. Do bà Phạm Thị T có quyền quản lý, sử dụng 172,75m² đất, bà nhận phân chia di sản theo hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, do vậy cần chia cho bà T 43,1875m² đất (là 01 kỷ phần bà T được hưởng), phần đất này tiếp giáp với nhà đất do bà Phạm Thị T đang quản lý sử dụng. Quyền sử dụng đất là phần di sản còn lại được chia đều cho 03 người con là Phạm Quang N, Phạm Quang Đ, Phạm Thị Đ mỗi người 43,1875m². Đối với phần diện tích đất còn lại có chiều dài giáp đường Trần Tất Văn là 4,05m, chiều dài giáp đất ông Phạm Quang Miết là 4,08m, do vậy không thể chia theo hiện trạng quyền sử dụng đất được. Anh Phạm Quang N đã có nhà ở riêng, chị Phạm Thị Đ đã có gia đình và ở riêng, chỉ có anh Phạm Quang Đ không có nhà ở, anh Phạm Quang Đ có nguyện vọng được chia 01 lô để làm nhà ở. Xét yêu cầu này của anh Phạm Quang Đ là phù hợp pháp luật và thực tế vụ án, cần chấp nhận yêu cầu nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Quang Đ, giao cho anh Phạm Quang Đ quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 129,56m², tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang N, Phạm Quang Đ và Phạm Thị Đ. Anh Phạm Quang Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang N, chị Phạm Thị Đ mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy giá trị tài sản mà bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ được nhận mỗi người là 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); anh Phạm Quang N được nhận là 863.750.000đ + 125.430.400đ = 989.180.400đ (chín trăm tám mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng).

[11] Về án phí: Bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang N, anh Phạm Quang Đ và chị Phạm Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bà Phạm Thị T, do bà T thuộc hộ cận nghèo, được Ủy ban nhân dân phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xác nhận, do vậy Hội đồng xét xử miễn tiền án phí đối với bà Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 3, 24, 25, 35 Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990; căn cứ các điều 468, 623, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị T.

2. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

2.1. Giao cho bà Phạm Thị T quản lý sử dụng tổng diện tích $172,75\text{m}^2 + 43,1875\text{m}^2 = 215,94\text{m}^2$ có vị trí và sơ đồ hiện trạng kèm theo ($43,1875\text{m}^2$ là phần di sản thừa kế mà bà Phạm Thị T được chia). Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Quang N số tiền 125.430.400đ (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng) là giá trị nhà ở và khu phụ do anh Phạm Quang N xây dựng trên phần đất do bà Phạm Thị T quản lý sử dụng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Quang N có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị T còn phải chịu khoản tiền chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Giao cho anh Phạm Quang Đ quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là $129,56\text{m}^2$, tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang N, Phạm Quang Đ và Phạm Thị Đ. Anh Phạm Quang Đ có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang N, chị Phạm Thị Đ mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) (có sơ đồ hiện trạng kèm theo);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Quang N, chị Phạm Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Phạm Quang Đ còn phải chịu khoản tiền chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc anh Phạm Quang N phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng bao gồm: 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại diện tích đất cho bà Phạm Thị T và anh Phạm Quang Đ.

4. Về án phí: anh Phạm Quang N phải nộp 41.675.000đ(bốn mươi một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ mỗi người phải nộp 37.912.500đ (ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Phạm Thị T.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị T, anh Phạm Quang N, anh Phạm Quang Đ, chị Phạm Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An;
- Dương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông